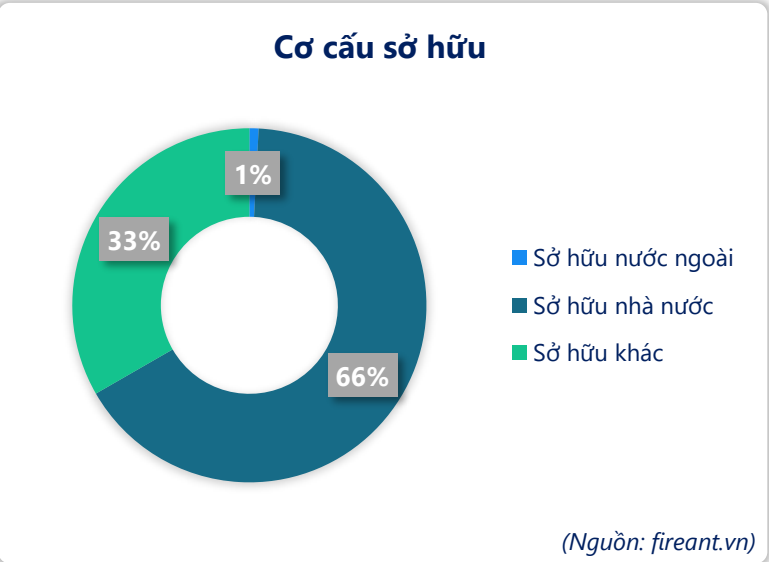
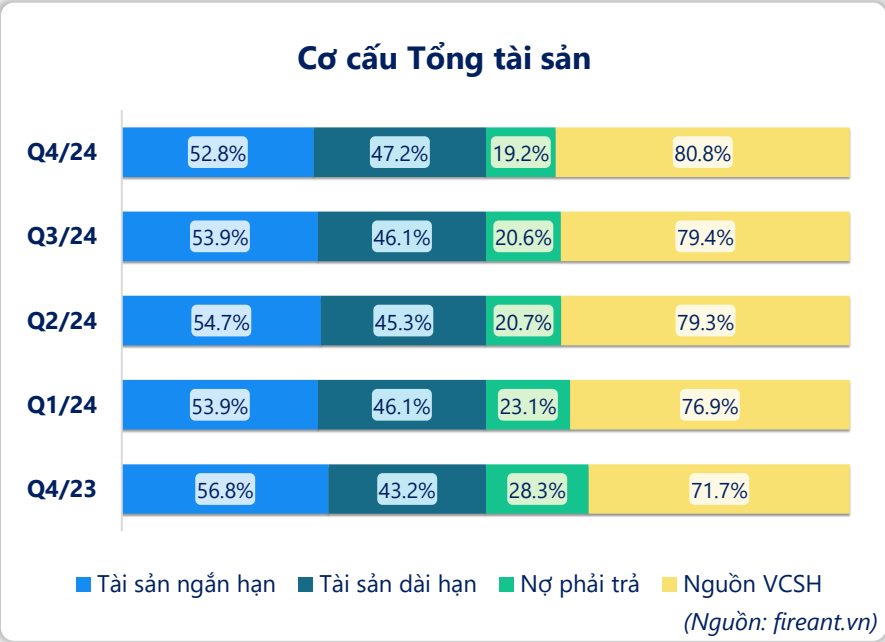
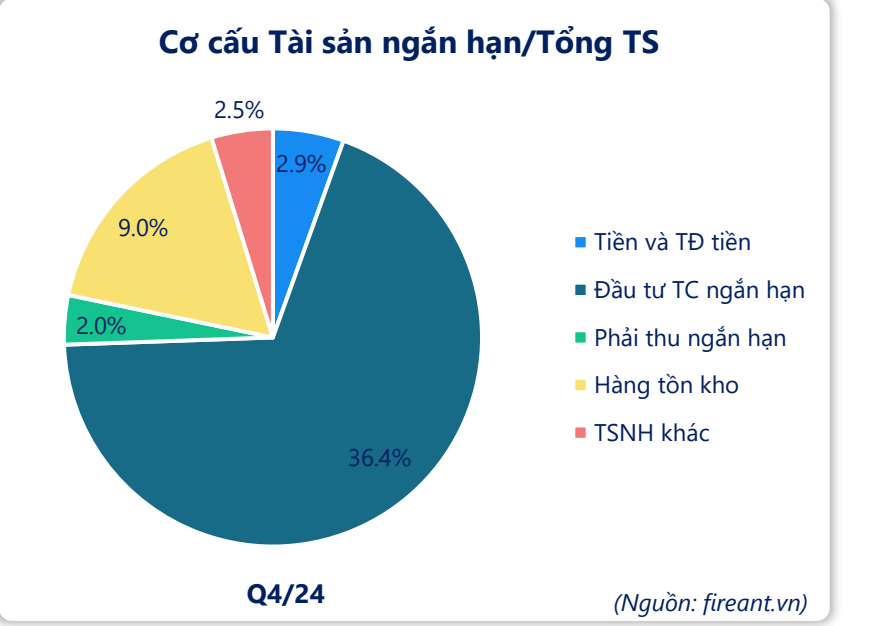
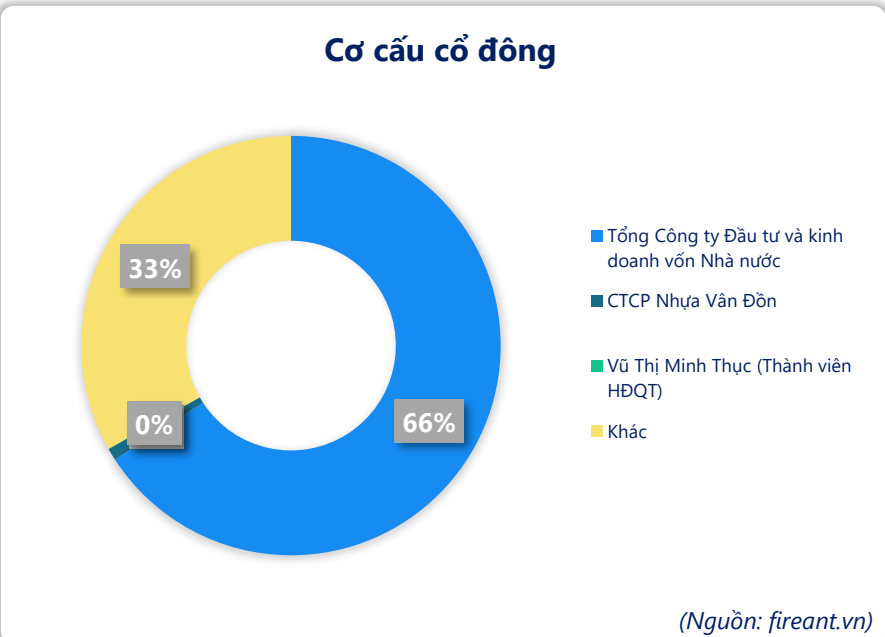
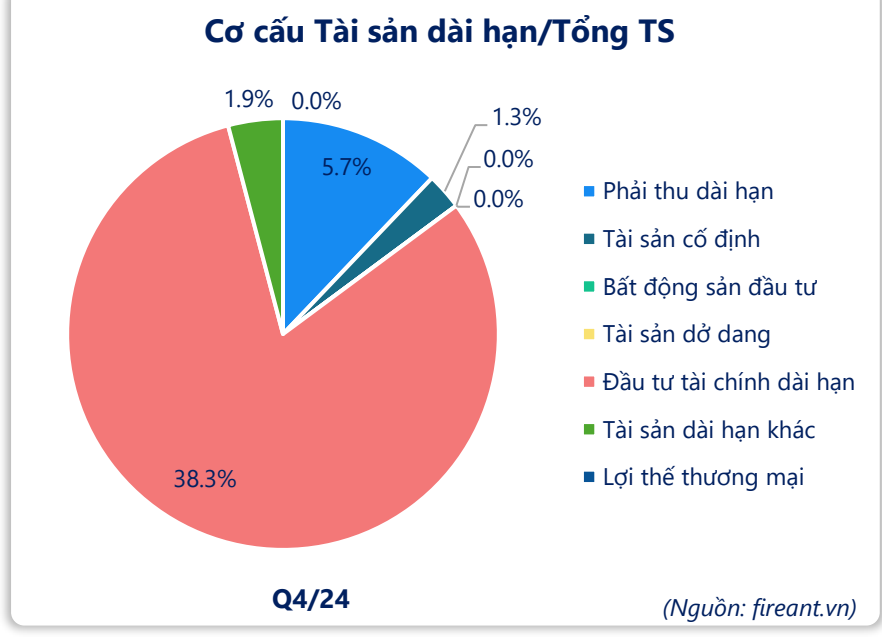
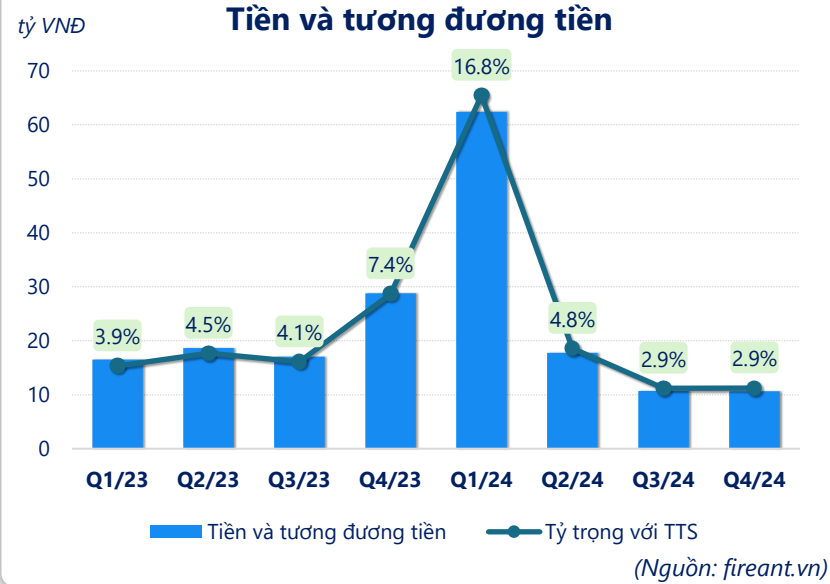
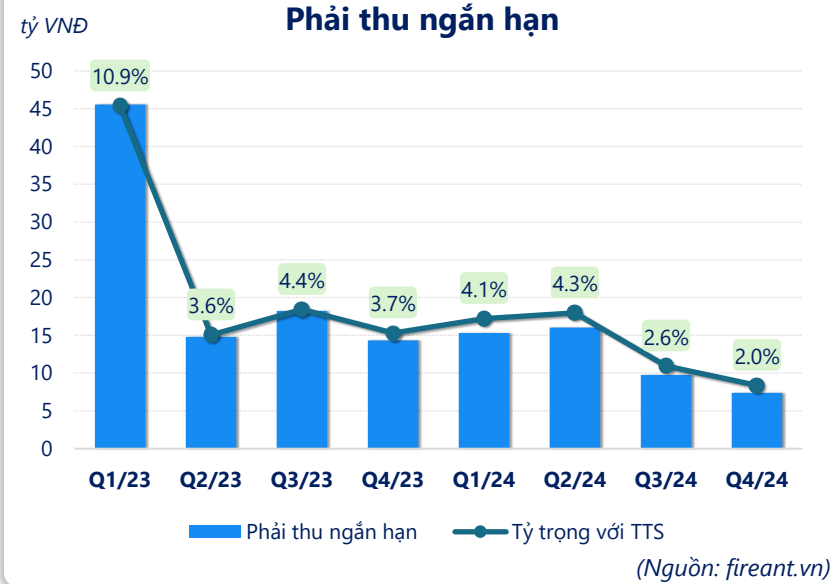
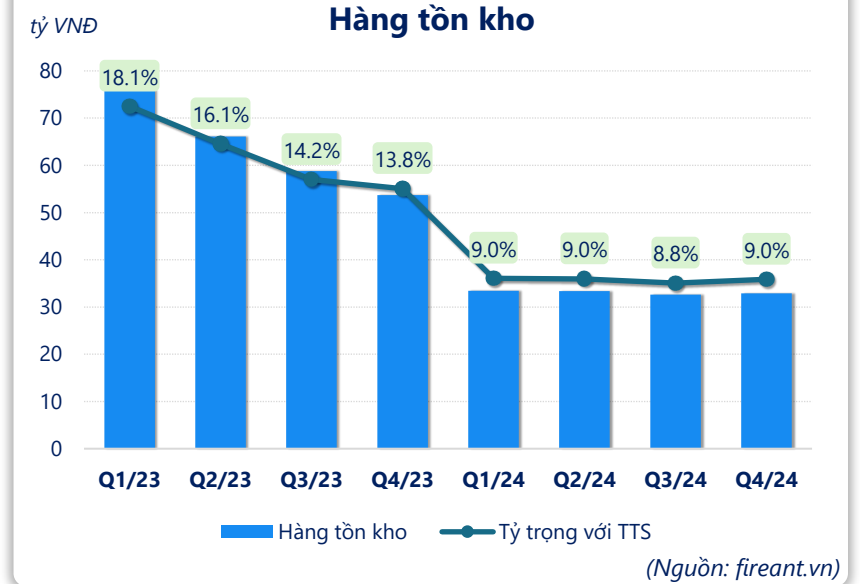
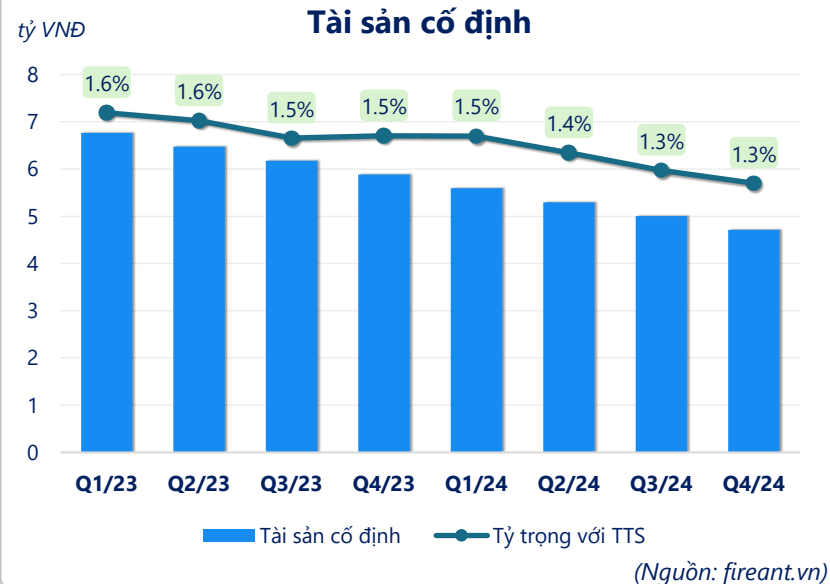
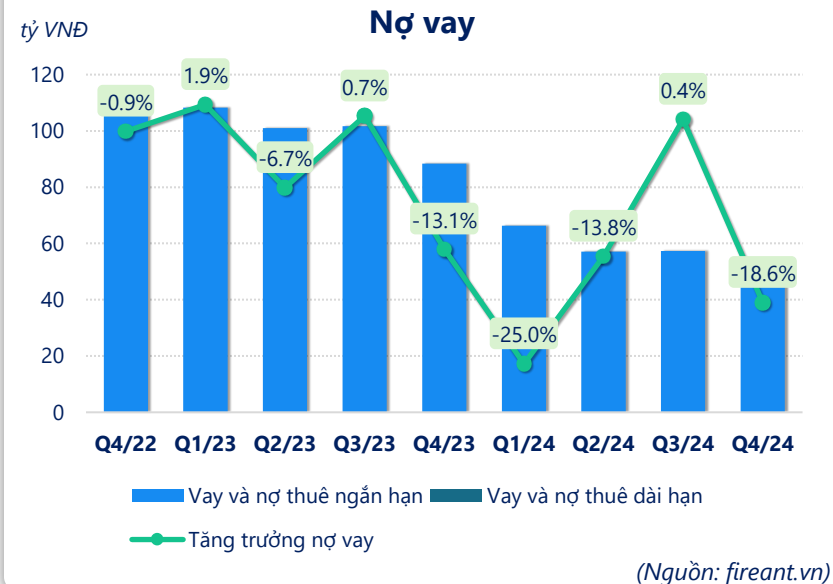
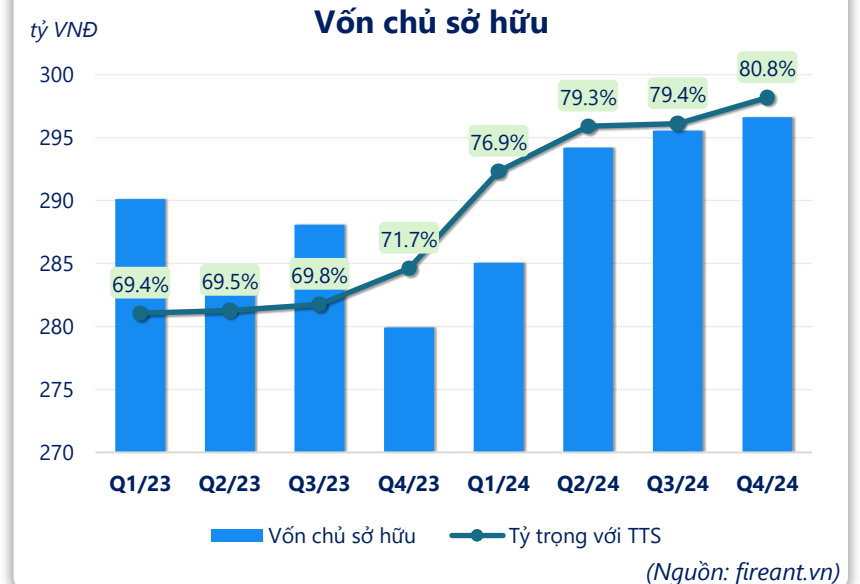
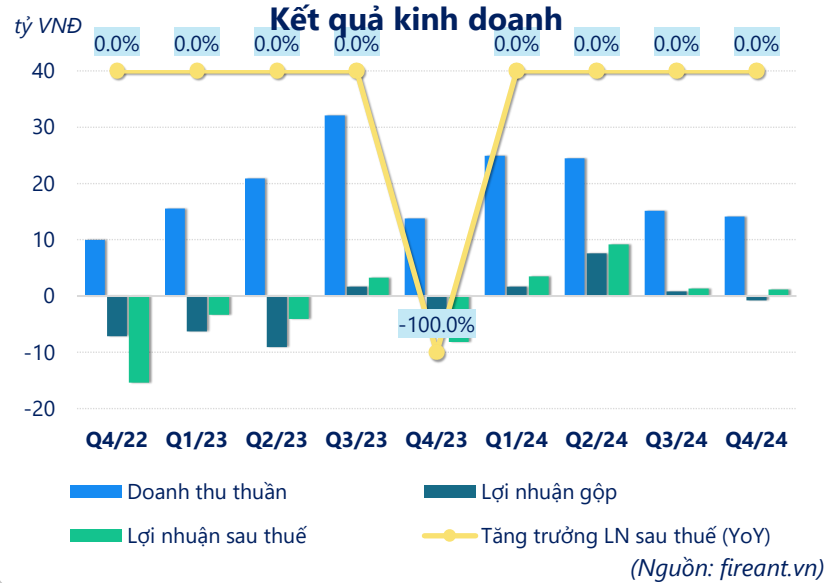
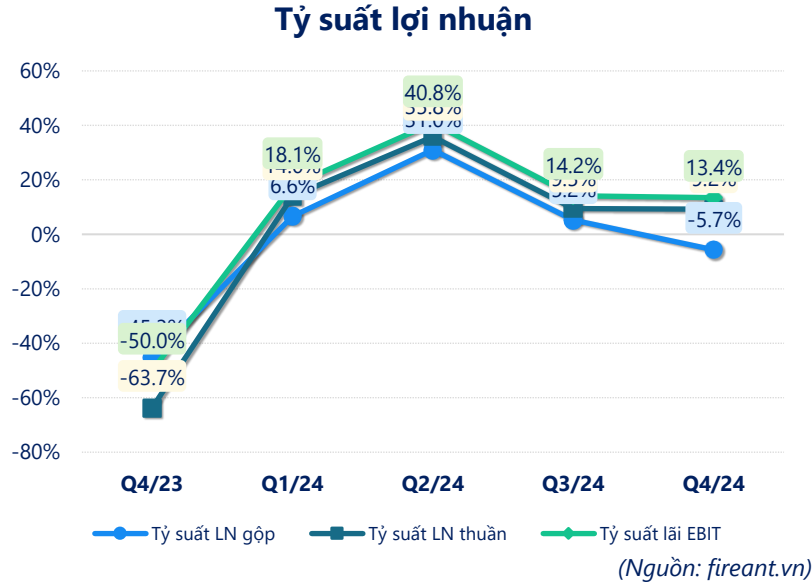
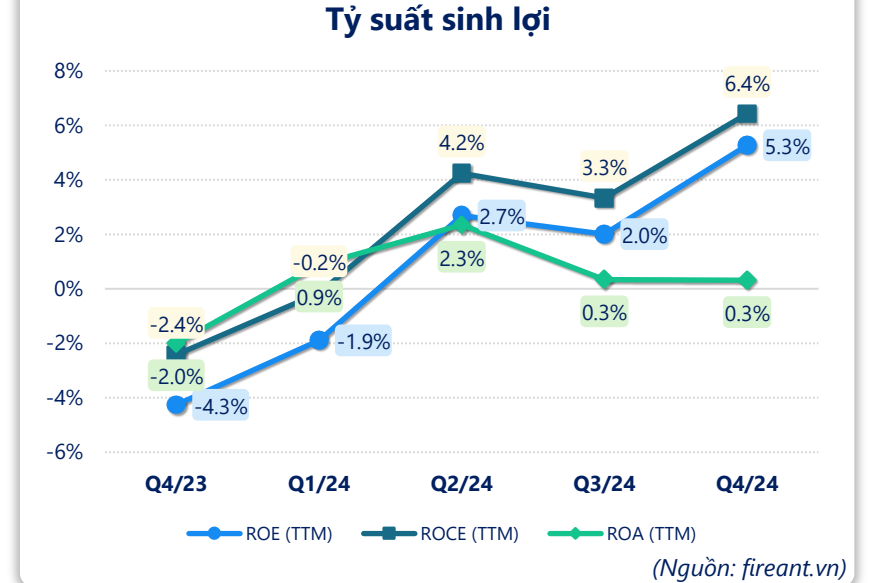
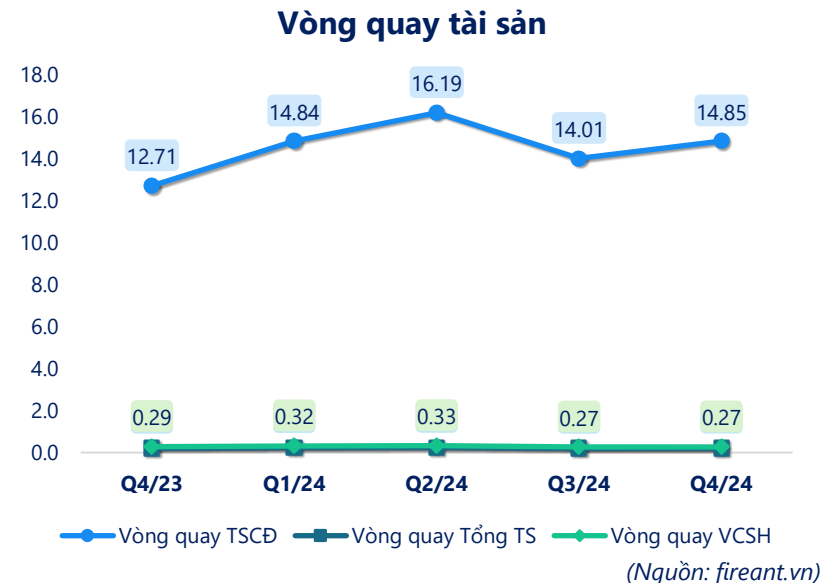
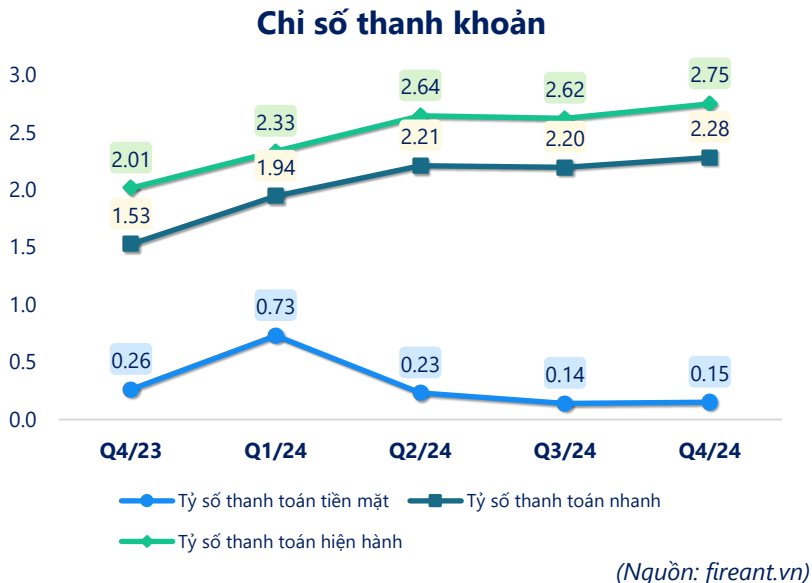
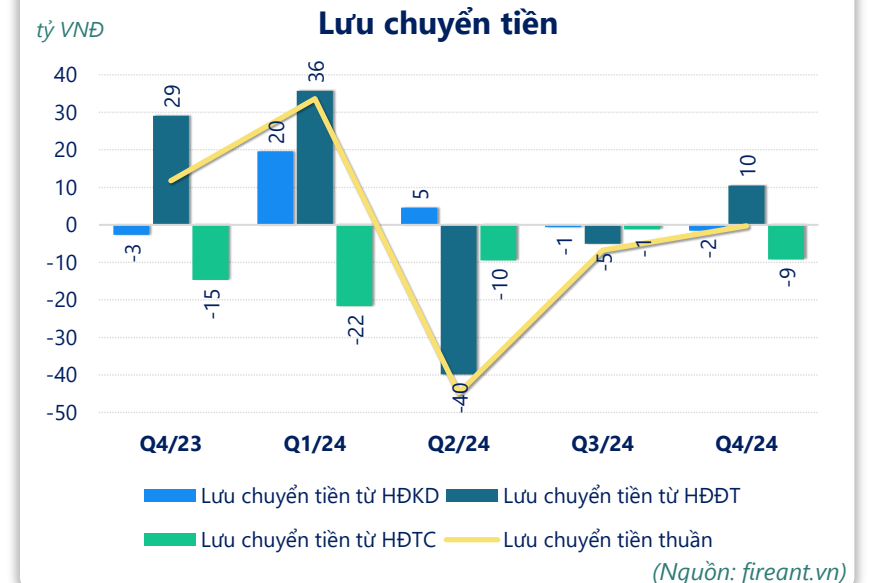


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,900
SL cổ phiếu LH		19,428,913
KLGD BQ 20 phiên (CP)		36,535
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		194
P/E		12.8
EPS		782

	YTD	1T	3T	6T
VNP		0.0%	-8.3%	-18.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	367	392	-6.3%
Tài sản ngắn hạn	194	223	-13.3%
Tiền và tương đương tiền	10.6	28.8	-63.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134	114	17.3%
Phải thu ngắn hạn	7.38	14.4	-48.6%
Hàng tồn kho	32.9	55.4	-40.6%
Tài sản ngắn hạn khác	9.21	10.9	-15.5%
Tài sản dài hạn	173	168	3.0%
Phải thu dài hạn	21.0	21.0	0.0%
Tài sản cố định	4.71	5.88	-20.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	141	134	4.8%
Tài sản dài hạn khác	7.10	7.42	-4.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.6	110	-36.0%
Nợ ngắn hạn	70.6	110	-36.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.7	88.4	-47.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.66	2.03	179%
Nợ dài hạn	0	0.12	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	297	282	5.3%
Vốn chủ sở hữu	297	282	5.3%
Vốn điều lệ	194	194	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	13.8	24.9	24.5	15.1	14.1
Giá vốn hàng bán	20.0	23.3	16.9	14.3	14.9
Lợi nhuận gộp	-6.25	1.66	7.58	0.79	-0.80
Doanh thu HĐTC	1.96	2.09	0.90	1.57	3.27
Chi phí TC	2.36	1.02	0.88	2.44	0.73
Chi phí lãi vay	1.25	1.02	0.82	0.80	0.71
LN trong công ty LKLD	2.53	2.93	3.51	3.67	3.94
Chi phí bán hàng	1.10	0.78	0.72	0.47	0.67
Chi phí QLDN	3.57	1.38	1.62	1.68	3.72
LN thuần từ HĐKD	-8.79	3.49	8.77	1.44	1.30
Lợi nhuận khác	0.64	0.00	0.39	-0.10	-0.12
LN trước thuế	-8.15	3.49	9.16	1.34	1.18
Lợi nhuận sau thuế	-8.15	3.49	9.16	1.34	1.18
LNST của CĐ cty mẹ	-8.14	3.49	9.16	1.34	1.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.67	19.6	4.58	-0.59	-1.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.1	35.7	-39.8	-5.02	10.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.7	-21.7	-9.50	-1.18	-9.26
Tiền đầu kỳ	17.1	28.8	62.4	17.7	10.7
Lưu chuyển tiền thuần	11.7	33.6	-44.8	-6.79	-0.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.04	0.08	-0.23	0.21
Tiền cuối kỳ	28.8	62.4	17.7	10.7	10.6

(Nguồn: fireant.vn)